

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2022

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Luân

Bà Lý Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 220/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Thái Thị Thu H** – sinh năm 1985 (*có mặt*)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Trú tại: thôn N, xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Khúc Văn L** - sinh năm 1978 (*vắng mặt*)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Trú tại: phố Chợ Cầu, xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/7/2021 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Thái Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Khúc Văn L được tự do, tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 16/12/2006 tại UBND xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn C, xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đến năm 2010 đến nay vợ chồng về sống tại phố Chợ Cầu, thôn K, xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, khác nhau về quan điểm sống, cách sống. Mâu thuẫn trầm trọng nhất từ khoảng tháng 1 năm 2021, chị H đã đưa ba con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đều hòa giải nhưng chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng quay về đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có ba con chung là cháu Khúc Huyền T sinh ngày 22/9/2007, Khúc Thùy A sinh ngày 31/3/2012 và Khúc Văn Q1 sinh ngày 21/10/2017. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả ba con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm cho Công ty cổ phần Kiến Tráng và công ty TNHH Đầu tư và dịch vụ Thùy Dương mức thu nhập khoảng hơn 20.000.000 đồng/01 tháng. Ngoài ra chị còn được bố mẹ đẻ cho số tiền thuê nhà một năm là 100.000.000 đồng để sử dụng hỗ trợ chi phí sinh hoạt trong gia đình, chăm sóc cho các con. Chị có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ tại thôn N, xã Q, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh về chỗ ở và thu nhập cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị H không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Khúc Văn L có lời khai như sau:

Anh và chị Thái Thị Thu H về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị H khai là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn C, xã D, huyện Thường Tín đến năm 2010 về sống tại phố Chợ Cầu, xã T, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì đến đầu năm 2021 chị H xin đưa các con về nhà bố mẹ đẻ để tiện chăm sóc các con nhưng sau đó không quay về nhà chung sống cùng anh. Gia đình anh đã đến nói chuyện, hòa giải nhiều lần nhưng chị H không về nhà. Chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị H có ba con chung là cháu Khúc Huyền T sinh ngày 22/9/2007, Khúc Thùy A sinh ngày 31/3/2012 và Khúc Văn Q1 sinh ngày 21/10/2017.

Trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả ba con, nếu không được anh đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khúc Văn Q1 và một trong hai cháu gái là Khúc Huyền T hoặc Khúc Thùy A. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh làm nghề tự do kinh doanh vải, quần áo có mức thu nhập bình Q1 là 20.000.000 đồng/01 tháng và có chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Anh L không có các tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập, chỗ ở để giao nộp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về tài sản chung, nợ chung: anh chị không tranh chấp về tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

+Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thái Thị Thu H được ly hôn anh Khúc Văn L. Về con chung: Giao ba con chung là cháu Khúc Huyền T sinh ngày 22/9/2007, Khúc Thùy A sinh ngày 31/3/2012 và Khúc Văn Q1 sinh ngày 21/10/2017 cho chị Thái Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh L có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Khúc Văn L đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Thu H và anh Khúc Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/12/2006 tại UBND xã D, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Anh L không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì tuy nhiên anh L thừa nhận từ đầu năm 2021 cho đến nay anh và chị H sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng anh L không đến làm việc, vắng mặt nhiều lần không có lý do và không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh lời khai của mẹ đẻ anh L thì do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sống, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng chị H không quay về nhà, không qua lại với gia đình nhà chồng từ đầu năm 2021 đến nay. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thái Thị Thu H được ly hôn anh Khúc Văn L.

[4] Về con chung: chị H và anh L có ba con chung là cháu Khúc Huyền T sinh ngày 22/9/2007, Khúc Thùy A sinh ngày 31/3/2012 và Khúc Văn Q1 sinh ngày 21/10/2017. Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con, anh L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng ba hoặc hai con. Xét yêu cầu của chị H và anh L đều chính đáng. Cháu Khúc Thùy A, Khúc Văn Q1 còn nhỏ tuổi, mặt khác cháu Q1 bị bệnh rối loạn phổ tự kỷ, chậm phát triển trí tuệ nên cần sự chăm sóc đặc biệt của mẹ. Cháu Khúc Huyền T mặc dù có nguyện vọng sống cùng chị H nhưng hiện cháu 15 tuổi đã tự chăm sóc được bản thân nên giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo cho chị H có thời gian, sức khỏe để chăm sóc cháu Thùy A và cháu Q1 được tốt hơn. Do đó để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao hai con chung là cháu Khúc Thùy A và Khúc Văn Q1 cho chị Thái Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Khúc Huyền T cho anh Khúc Văn L được trực tiếp nuôi

dưỡng, giáo dục. Chị H, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị H, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của chị H, đại diện Viện kiểm sát là giao ba con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Thu H. Chị Thái Thị Thu H được ly hôn anh Khúc Văn L.

2. Về con chung: chị H và anh L có ba con chung là Khúc Huyền T sinh ngày 22/9/2007, Khúc Thùy A sinh ngày 31/3/2012 và Khúc Văn Q1 sinh ngày 21/10/2017. Giao hai con chung là cháu Khúc Thùy A và Khúc Văn Q1 cho chị Thái Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Khúc Huyền T cho anh Khúc Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H, anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Chị H, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh L không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Thái Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2020/0022730 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thái Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Khúc Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;
- Chi cục THA huyện Thường Tín;
- UBND xã D, huyện Thường Tín
- Thành phố Hà Nội;
- Lưu HS vụ án.

Trần Thị Thu Hiền